TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/01/2022
V/v: *"không công nhận vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH–TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Việt.
Các Hội thẩm nhân dân:
+Ông Trịnh Hồng Hà
+Ông Nguyễn Thanh Hải
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đoàn Ngọc Sơn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc "không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1974
Ngụ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
*Bị đơn: Ông Đặng Văn P, sinh năm 1971
Ngụ tại: ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Bà C, ông P có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:

Bà và ông Đặng Văn P chung sống với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được 17 năm, nhưng đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, mặc dù hai bên đã cố gắng cải thiện mối quan hệ nhưng không có kết quả, hiện tại vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng. Nay bà C nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu tòa giải quyết không công nhận bà và ông P là vợ chồng. Bà C không yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà sau khi chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà C và ông P có 01 con chung là Đặng Hoàng P, sinh năm 1994. Hiện con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Đặng Văn P trình bày:

Ông và bà C chung sống với nhau từ năm 1993, tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau này do công chuyện làm ăn nên vợ chồng có mâu thuẫn, nay bà C yêu cầu tòa không công nhận ông bà là vợ chồng thì ông cũng đồng ý. Ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng khi tòa không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà C có 01 con chung là Đặng Hoàng P, sinh năm 1994. Con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bà C và ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]Về nội dung: Bà Trần Thị Kim C và ông Đặng Văn P tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2011, vợ chồng không còn hạnh

phúc do có nhiều mâu thuẫn. Nay bà C không thể tiếp tục chung sống với ông P nên yêu cầu tòa không công nhận ông bà là vợ chồng.

Xét thấy bà C và ông P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, mặc dù có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đến nay ông bà vẫn không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Điểm b, Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Tòa án không công nhận bà C và ông P là vợ chồng.

Bà C, ông P không có yêu cầu cấp dưỡng cho nhau khi tòa không công nhận vợ chồng nên tòa không xem xét.

[2.1] Về con chung: Ông P, bà C có 01 con chung là Đặng Hoàng P, sinh năm 1994. Con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.2] Về tài sản chung: Bà C, ông P khai không có nên không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Bà C, ông P khai không có nên không xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình: nguyên đơn bà Trần Thị Kim C phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 28, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 35/2000/QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Kim C và ông Đặng Văn P là vợ chồng.

Ghi nhận bà C, ông P không yêu cầu về cấp dưỡng cho nhau khi tòa không công nhận vợ chồng.

2.Về con chung: Bà C, ông P có 01 con chung là Đặng Hoàng P, sinh năm 1994. Con đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001184 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà C đã nộp đủ án phí.

Bà C, ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười năm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành;
-UBND xã Tường Đa;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Việt